

NGHIÊN CỨU VÀ HỌC TẬP

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ QUAN HỆ GIỮA ĐẠO ĐỨC VÀ PHÁP LUẬT TRONG QUẢN LÝ XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG (*)

Đạo đức và pháp luật là hai hình thái ý thức xã hội, là những công cụ để quản lý và điều chỉnh hành vi của con người trong xã hội. Giữa chúng có mối quan hệ thống nhất, biện chứng. Trong pháp luật có giá trị của đạo đức, các yêu cầu của pháp luật cũng sẽ được chuyển tải vào các quan niệm, chuẩn mực đạo đức, ý thức và hành vi của con người. Chính vì tầm quan trọng của chúng, ngay từ khi lãnh đạo đất nước, Hồ Chí Minh đã chủ trương phải kết hợp giữa “đức trị” với “pháp trị” trong quản lý xã hội.

Đạo đức và pháp luật là hai hình thái ý thức xã hội. Cả hai đều là những công cụ để quản lý và điều chỉnh hành vi của con người trong xã hội. Trong lịch sử quản lý nhà nước, quản lý xã hội, có những người, những trường phái, những chủ thuyết tìm cách tuyệt đối hoá địa vị độc tôn của từng yếu tố riêng lẻ. Chẳng hạn, thuyết “nhân trị” của Khổng Tử khác với thuyết “pháp trị” của Tuân Tử, Hàn Phi Tử... Nhưng nói chung, để quản lý xã hội một cách chặt chẽ và hiệu quả, cần phải kết hợp giữa đạo đức và pháp luật. Hồ Chí Minh đã chỉ ra mối quan hệ này từ rất sớm, đồng thời có bước phát triển mới, có sự sáng tạo độc đáo riêng của mình.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, những nhà lập pháp tiến bộ đều khẳng định và thừa nhận mối

quan hệ biện chứng giữa pháp luật và đạo đức. Sự tác động giữa đạo đức và pháp luật theo chiều hướng hoặc tích cực hoặc tiêu cực, hỗ trợ hay cản trở lẫn nhau tùy thuộc mức độ phù hợp giữa chúng.

Đạo đức tác động tới sự hình thành và thực hiện pháp luật. Có không ít quan niệm đạo đức được thể chế hóa trong pháp luật, qua đó góp phần hình thành nên pháp luật và làm cho pháp luật được thực hiện một cách nghiêm túc và tự giác. Đồng thời, pháp luật cũng tác động mạnh mẽ tới đạo đức, góp phần củng cố, phát huy vai trò của đạo đức trong thực tế khi đạo đức phù hợp với pháp luật. Nhiều quy tắc đạo đức có tính phổ biến, phù hợp với sự phát triển và tiến bộ của xã

(*) Thạc sĩ, Trung tâm Đào tạo – Bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị.

hội đã được nhà nước ghi nhận thành các quy phạm pháp luật. Mặt khác, pháp luật cũng loại trừ dần những quy tắc đạo đức cũ không còn phù hợp với ý chí của Nhà nước, bởi các quy tắc đạo đức phản tiến bộ sẽ cản trở sự hình thành và thực hiện pháp luật. Tương tự pháp luật không hoàn chỉnh, lạc hậu sẽ cản trở sự hình thành đạo đức lành mạnh. Về mối quan hệ này, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Giữa pháp luật và đạo đức có mối quan hệ biện chứng như mối quan hệ giữa hình thức và nội dung, nội dung là đạo đức, pháp luật là hình thức”(1).

Giữa đạo đức và pháp luật có sự thống nhất bao hàm sự khác biệt, không đồng nhất, không thay thế và loại trừ nhau, chúng luôn tồn tại trong mối quan hệ biện chứng. Pháp luật hay đạo đức cũng đều phải giải quyết vấn đề lợi ích, vấn đề tương quan giữa quyền và nghĩa vụ, sự tôn trọng và bảo đảm, bảo vệ, tôn vinh các giá trị, các quyền con người. Đây là những điều kiện thiết yếu để thực hành đạo đức và pháp luật. Về nguyên tắc, không phải pháp luật phán xét đạo đức mà ngược lại, đạo đức mới có quyền phán xét pháp luật. Trong lịch sử, pháp luật chưa bao giờ lấn át được đạo đức. Các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức luôn là tiêu chí tác động đến nội dung của các quy phạm pháp luật, được tính đến khi xem xét các vấn đề pháp lý và ngược lại, trong từng vấn đề của đạo đức đều phải được xem xét cả từ phương diện

pháp lý.

Nói một cách tổng quát, *thứ nhất*, pháp luật thể hiện sự công minh, lẽ phải, tự do và công bằng – các giá trị đạo đức cao cả, đồng thời cũng là một phương tiện đặc thù để bảo vệ các giá trị đạo đức, hỗ trợ đắc lực cho việc giữ gìn, phát triển một nền đạo đức xã hội tốt đẹp; *thứ hai*, một xã hội có nền đạo đức tốt sẽ là cơ sở để pháp luật được thực hiện nghiêm chỉnh và tự giác. Như vậy, pháp luật phải phù hợp với đạo đức và là điều kiện để thực hành đạo đức. Pháp luật không chỉ thể hiện quyền công dân đơn thuần, mà còn là điều kiện cần thiết để đảm bảo xây dựng cho con người một cuộc sống lương thiện, hạnh phúc, cái thiện thắng thế, cái ác bị trừng phạt.

Với những phân tích như trên, có thể thấy rằng, quan hệ giữa pháp luật và đạo đức cần phải được tư duy theo cả truyền thống và hiện đại. Đặc biệt, cần làm rõ giới hạn của pháp luật và đạo đức, sự giao thoa và độc lập tương đối, sự thống nhất và mâu thuẫn giữa chúng. Phải khảo sát, đánh giá mối quan hệ này trong thực tiễn cuộc sống thông qua các quan hệ pháp luật và đạo đức, các hành vi đạo đức và pháp luật. Sự vận động của pháp luật và đạo đức không thể tách biệt nhau. Pháp luật có giá trị đạo đức, là hiện tượng đạo đức. Suy cho cùng, pháp luật chỉ

(1) Dẫn theo: Thành Duy. *Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh và mối quan hệ giữa pháp luật và đạo đức, đạo đức và lợi ích công dân*. Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 3-1995, tr.4.

khác đạo đức theo nghĩa hẹp. Cần có sự chuyển hoá của quy phạm đạo đức vào nội dung pháp luật, vào hoạt động xây dựng ý thức pháp luật và thực thi pháp luật. Đồng thời, các yêu cầu của pháp luật cũng cần được chuyển tải vào các quan niệm, chuẩn mực đạo đức, ý thức và hành vi đạo đức của con người. Một khi những quy tắc, quan niệm đạo đức đã được luật hóa thì cũng được nội tâm hoá thành lẽ sống, thành tiêu chí đánh giá của con người.

Theo Hồ Chí Minh, giữa pháp luật và đạo đức có mối quan hệ khăng khít với nhau. Pháp luật là phương thức để khẳng định những chuẩn mực đạo đức nhất định, nhằm biến chúng thành thói quen, nếp sống của mỗi con người. Như vậy, quan hệ giữa đạo đức và pháp luật biểu thị quan hệ giữa con người với con người trong xã hội. Xét đến cùng, vấn đề đạo đức và pháp luật cũng như mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật là những vấn đề có tính xã hội. Đó là ý thức đấu tranh giữa thiện và ác, giữa đúng và sai, giữa tốt và xấu, giữa bản chất người và phi tính người.

Mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, được xác định trên những cơ sở:

Thứ nhất, Hồ Chí Minh cho rằng, pháp luật và đạo đức đều nhằm mục đích thể hiện, thực hiện và bảo vệ lợi ích của con người. Vấn đề là ở chỗ, pháp luật và đạo đức phải phù hợp, đem lại quyền lợi cho số đông. Hồ Chí

Minh luôn định vị cho đạo đức cách mạng, đạo đức công dân bằng sự thống nhất giữa lợi ích tập thể với lợi ích cá nhân, giữa quyền và nghĩa vụ của công dân.

Thứ hai, Hồ Chí Minh chỉ ra quy luật chung nhất trong hình thức cai trị của các nhà nước kiểu cũ, mà một trong những phương thức thường được sử dụng là dùng đạo đức để che giấu bản chất của pháp luật - hệ thống pháp luật chỉ phục vụ cho một số ít người trong xã hội. Kết hợp đạo đức và pháp luật là nghệ thuật của quyền lực chính trị. Luật pháp dựa vào đạo đức; mặt khác, pháp luật bảo vệ đạo đức.

Thứ ba, để phát huy sự hỗ trợ tương tác giữa đạo đức và pháp luật, Hồ Chí Minh cho rằng, Nhà nước Việt Nam phải quản lý xã hội bằng pháp luật kết hợp với đạo đức.

Sự ra đời của nhà nước đồng thời cũng đánh dấu những căn bệnh tiềm ẩn, cần khắc phục của nó. Từ rất sớm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra sự cần thiết phải rèn giữa đội ngũ cán bộ, công chức của Nhà nước, bởi các chứng bệnh nan y của Nhà nước cũng từ đội ngũ thừa hành công vụ mà ra. Người luôn đặc biệt quan tâm đến công tác giáo dục đạo đức cho những cán bộ có chức, có quyền nhằm giúp họ không mắc phải những thói xấu như cậy thế, hủ hoá, tư túng, tham ô, lãng phí... Hồ Chí Minh đòi hỏi cán bộ phải "*cần, kiệm, liêm chính, chí công*

vô tư" và ghi sâu câu "*công bình, chính trực*" vào tâm khảm. Người biểu dương cán bộ tốt và cũng tỏ thái độ rất nghiêm khắc đối với những cán bộ mắc phải những căn bệnh trên. Người nhấn mạnh: ai đã phạm những lỗi lầm này thì phải hết sức sửa chữa, nếu không tự ý sửa chữa thì Chính phủ sẽ không dung.

Chủ trương nêu cao giáo dục đạo đức, nhưng Hồ Chí Minh không quên nhấn mạnh sự cần thiết phải tăng cường giáo dục pháp luật. Theo Người, nếu chỉ chú ý giáo dục đạo đức thì sẽ không giải quyết hết được các vấn đề của xã hội. Chẳng hạn, ngăn ngừa bệnh tham nhũng nếu chỉ đơn thuần giáo dục đạo đức thì không mấy giá trị, không thể giải quyết một cách triệt để. Hồ Chí Minh yêu cầu pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất lương, bất kể người ấy ở địa vị nào, nghề nghiệp gì. Mỗi người phải nhận thấy rằng, tham lam là việc làm đáng xấu hổ, kẻ tham lam là người có tội với nước.

Tựu trung lại, tư tưởng của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa đạo đức và pháp luật trong quản lý xã hội có thể khái quát trên những nét chính sau:

Một là, đạo đức vốn đã tồn tại lâu dài trong đời sống của nhân dân; vì thế, muốn pháp luật được thực thi và được nhân dân ủng hộ, thì điều cần bản là pháp luật phải dựa trên nền tảng đạo đức. Pháp luật phải ghi nhận và đảm bảo thực hiện nguyện vọng, lợi

ích của nhân dân, đồng thời phải phù hợp với đạo đức xã hội. Đó là điều kiện quyết định sự thành công trong lãnh đạo dân chúng của Chính phủ. Do vậy, Chính phủ phải thi hành một nền chính trị liêm khiết, như cải thiện đời sống của nhân dân, cứu tế thất nghiệp, sửa đổi chế độ xã hội, phát triển kinh tế, văn hóa... Có như thế, dân chúng mới đoàn kết chung quanh Chính phủ, vì quyền lợi thiết thân của mình mà hy sinh cho sự phồn vinh của đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nhắc nhở: "*Chính sách của Đảng và Chính phủ là phải hết sức chăm nom đến đời sống nhân dân*". Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; Nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi, nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; Nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi"(2).

Hai là, pháp luật phải bảo vệ đạo đức. Pháp luật và đạo đức đều là những chuẩn mực giá trị định hướng cho hành động của con người. Đạo đức là nền, pháp luật được xây dựng dựa trên chuẩn mực đạo đức, đảm bảo cho chuẩn mực đạo đức được thực hiện và bảo vệ nếu bị vi phạm. Trong chuẩn mực đạo đức cách mạng "trung với nước", Chủ tịch Hồ Chí Minh đồng thời cũng nêu rõ chuẩn về pháp luật của "trung với nước": "Ai vì nước hy sinh sẽ được thưởng", ngược lại "thông với giặc, phản quốc sẽ bị xử tử"(3).

(2) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.7. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.572.

(3) Hồ Chí Minh. *Sdd.*, t.4, tr.163.

Hồ Chí Minh luôn coi trọng đạo đức của cán bộ và nhân dân; đồng thời, luôn đề cao vai trò của pháp luật. Người đặc biệt nhấn mạnh đến hai nguyên tắc cơ bản trong việc xây dựng và thực thi pháp luật: 1/ Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật; 2/ Thường phạt nghiêm minh. Hồ Chí Minh viết: “Trong một nước, thường phạt phải nghiêm minh thì nhân dân mới yên ổn, kháng chiến mới thắng lợi, kiến quốc mới thành công”(4). Người kịch liệt lên án tội bao che, nể nang đối với những người phạm pháp, không xử lý nghiêm minh đối với họ theo nguyên tắc đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh phê phán nghiêm khắc các hiện tượng cán bộ, đảng viên có biểu hiện đặc quyền, đặc lợi, tự cho phép mình đứng ngoài vòng pháp luật. Người viết: “Trong điều lệ của Đảng có nói: đảng viên chẳng những phải giữ kỷ luật sắt, kỷ luật tự giác của Đảng mà còn phải giữ gìn kỷ luật chính quyền, của cơ quan, đoàn thể cách mạng, của nhân dân. Sự thực nhiều đảng viên, cán bộ chẳng làm đúng như thế... Các đảng viên cán bộ đó không biết kỷ luật của chính quyền, của đoàn thể, nhân dân và Đảng cũng là một”(5). Đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải gương mẫu, nghiêm minh chấp hành pháp luật của Nhà nước là một trong những yêu cầu mang tính nguyên tắc của Hồ Chí Minh.

Ba là, cần nhận thức đúng đắn mối quan hệ biện chứng giữa đạo đức

và pháp luật để ứng xử phù hợp, đạt hiệu quả cao trong quản lý xã hội. Bản chất của sự kết hợp pháp luật và đạo đức trong quản lý xã hội của nhà nước chính là phát huy thế mạnh và khắc phục hạn chế của pháp luật và đạo đức.

Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám (1945) thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh thấy rõ pháp luật là rất cần thiết để nhanh chóng đưa xã hội đi vào ổn định. Người chỉ đạo xây dựng Hiến pháp 1946 và ban hành các sắc lệnh để quản lý xã hội. Trong khi pháp luật mới chưa kịp ban hành, Người chủ trương giữ lại những luật lệ cũ còn hợp lý để sử dụng trong chế độ mới. Điều này cho thấy, trên những nền tảng đạo đức chung, pháp luật giữa các chế độ đôi khi có những tương đồng nhất định. Đồng thời, Hồ Chí Minh chỉ rõ phải sớm ban hành pháp luật mới và xây dựng đạo đức mới. Thực hiện tuyên truyền, giáo dục pháp luật và rèn luyện, tu dưỡng đạo đức cho nhân dân là hai biện pháp song hành, hai mặt của một quá trình thống nhất. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: công bố đạo luật chưa phải là xong, mà còn phải tuyên truyền, giáo dục lâu dài mới có hiệu quả và “đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và

(4) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.4, tr.163.

(5) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.7, tr.31.

củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”(6). Theo Hồ Chí Minh, giáo dục, rèn luyện và thực hành đạo đức là điều kiện cần để xã hội đi vào trật tự ổn định: “Mỗi ngày cố làm một việc lợi cho nước (lợi cho nước tức là lợi cho mình), dù là việc nhỏ, thì một năm ta làm được 365 việc. Nhiều lợi nhỏ cộng thành lợi to. Cả 20 triệu đồng bào đều làm như vậy, thì nước ta nhất định mau giàu, dân ta nhất định được nhiều hạnh phúc”(7); “muốn cải tạo xã hội thì lòng mình phải cải tạo. Nếu lòng mình không cải tạo thì đừng nói đến cải tạo xã hội”(8). Vì, “để thực hiện chữ Liêm, cần có tuyên truyền và kiểm soát, giáo dục và pháp luật, từ trên xuống, từ dưới lên trên(9)”. Nếu đạo đức bị xâm hại thì pháp luật cũng bị vi phạm “do BẤT LIÊM mà đi đến tội ác trộm cắp(10)”. Khi đó, pháp luật thể hiện vai trò không thể thay thế trong việc đưa xã hội trở lại ổn định, đồng thời khôi phục, bảo vệ đạo đức: “Pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm”(11). Đó là mối quan hệ biện chứng giữa đạo đức và pháp luật theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hiện nay, đất nước đang tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, kết hợp đổi mới hệ thống chính trị cho phù hợp với đổi mới kinh tế, hỗ trợ đắc lực cho đổi mới kinh tế. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đang là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của nước ta hiện nay. Việc

có một hệ thống luật pháp hoàn thiện, việc thực hành tốt pháp luật đang là một trong những đòi hỏi bức thiết, đặc biệt là khi công cuộc đổi mới đang đi vào chiều sâu. Để hệ thống chính trị thực sự vững mạnh, để luật pháp phát huy tác dụng thực sự, trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp đạo đức với pháp luật, chúng ta cần thực hiện tốt những giải pháp căn bản:

Thứ nhất, phát huy tác dụng của đạo đức đối với pháp luật trong quản lý xã hội và ngược lại.

Trong điều kiện kinh tế thị trường tiềm ẩn những mặt trái của nó cũng như hội nhập kinh tế tiềm ẩn những cạm bẫy và thách thức, nếu chúng ta chỉ hô hào chung chung về lương tâm, trách nhiệm, đạo đức, mà không gắn nó với giáo dục và thực thi pháp luật, hoặc chỉ dừng lại ở sự cưỡng chế lạnh lùng của pháp luật, thì sẽ không bao giờ đạt hiệu quả cao, không thể điều chỉnh, kiểm soát mọi hành vi của con người, của cán bộ công chức Nhà nước. Đại hội Đảng lần thứ VI (1986) xác định rõ ràng, chúng ta quản lý xã hội bằng pháp luật. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996) đã khẳng định: xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng công tác giáo

(6) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.9, tr.293.

(7) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.645.

(8) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.7, tr.72.

(9) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.641.

(10) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.641.

(11) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.641.

dục và nâng cao đạo đức xã hội chủ nghĩa. Điều này cho thấy, Đảng và Nhà nước ta đã nhận thức rõ mối quan hệ biện chứng giữa đạo đức và pháp luật, xử lý mối quan hệ ấy một cách hợp lý, nhằm tạo hiệu quả cao, tác dụng tốt trong quản lý xã hội. Phát huy vai trò của đạo đức gắn kết với pháp luật chính là một trong những phương thức tốt nhất để tăng thêm sức mạnh của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân.

Thứ hai, xây dựng các văn bản pháp luật cần phải dựa chắc trên những chuẩn mực đạo đức cơ bản.

Để góp phần hạn chế khiếm khuyết của pháp luật, chúng ta phải đưa những chuẩn mực mới của đạo đức vào trong pháp luật, luật hoá những chuẩn mực đạo đức đó để pháp luật thật sự là công cụ hữu hiệu bảo vệ và phát triển đạo đức, kết hợp nhuần nhuyễn đạo đức với pháp luật. Sự tác động tương hỗ trong mối quan hệ thống nhất biện chứng giữa đạo đức và pháp luật sẽ khiến các giá trị, chuẩn mực đạo đức ngày càng lan toả và trở thành phổ biến; pháp luật ngày càng có hiệu lực.

Thứ ba, nâng cao nhận thức của các ban, ngành, đoàn thể, của nhân dân về vấn đề kết hợp đạo đức với pháp luật trong quản lý xã hội. Các cơ quan chức năng và toàn xã hội cần ý thức rõ rằng, cả pháp luật và đạo đức đều mang tính quy phạm phổ biến,

chúng đều là những khuôn mẫu, chuẩn mực cho hành vi của con người. Phạm vi tác động của đạo đức và pháp luật rất rộng lớn, tác động đến các cá nhân, tổ chức và toàn xã hội. Cần nhận thức rằng, pháp luật và đạo đức đều nhằm mục tiêu điều chỉnh hành vi của con người để bảo đảm hoạt động bình thường của xã hội. Một người vi phạm đạo đức thường là vi phạm pháp luật và ngược lại, vi phạm pháp luật cũng là vi phạm đạo đức. Ý thức đạo đức và ý thức pháp luật của con người không phải tự nhiên mà có, nó là kết quả của quá trình giáo dục lâu dài. Giáo dục cho con người có đạo đức cũng là giáo dục cho con người biết tôn trọng pháp luật, kỷ cương phép nước. Giáo dục pháp luật cho con người cũng là để bảo vệ giá trị đạo đức và nâng cao đạo đức con người.

Tóm lại, đề cập tới pháp luật không thể không nói đến yếu tố đạo đức và càng không thể không nói đến mối quan hệ giữa chúng trong quá trình làm lành mạnh hóa đời sống xã hội, bồi đắp lên những giá trị mới. Kết hợp “đức trị” và “pháp trị” theo tư tưởng Hồ Chí Minh là phương thức căn bản để quản lý xã hội. Người chính là “mẫu mực của sự kết hợp đức trị và pháp trị, luôn luôn chú trọng giáo dục đạo đức, nhưng cũng không ngừng nâng cao vai trò sức mạnh của pháp luật”(12). □

(12) Song Thành. *Hồ Chí Minh – nhà văn hóa kiệt xuất*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr.48.